

Hà Nội, ngày 14 tháng 03 năm 2025

**BÁO CÁO**  
**Thường niên năm 2024**

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước;  
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

**I. THÔNG TIN CHUNG**

**1. Thông tin khái quát**

- Tên Công ty: Công ty cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam
- Tên Công ty viết tắt: CMH Group
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0102307343
- Vốn điều lệ: 254.525.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 254.525.000.000 đồng
- Địa chỉ: Tầng 12, tòa nhà Văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, Phúc Diễn, Bắc Từ Liêm, Hà Nội
- Số điện thoại: 0243 573 8555
- Số fax:
- Website: cmhgroup.vn
- Mã cổ phiếu: CMS
- Quá trình hình thành và phát triển:

| Năm  | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
|------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 2023 | Cơ cấu lại khoản đầu tư tài chính của Công ty tại Công ty Cổ phần CM Phan Thiết (CM Phan Thiết), Công ty đã thực hiện thoái vốn tại CM Phan Thiết, giảm tỷ lệ sở hữu của Công ty tại CM Phan Thiết xuống còn 0%.                                                                                                                                                    |
| 2022 | Đổi tên Công ty theo tên mới: Công ty cổ phần Tập đoàn CMH Việt Nam. Tăng vốn Điều lệ Công ty từ 172.000.000.000 đồng lên 254.525.000.000 đồng. Cơ cấu lại khoản đầu tư tài chính của Công ty tại Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghệ Hạ tầng Vietin (Vietin F), Công ty đã thực hiện thoái vốn tại Vietin F, giảm tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Vietin F xuống còn 0%. |
| 2021 | Cơ cấu lại khoản đầu tư tài chính của Công ty tại Công ty cổ phần CM Nha Trang (CM Nha Trang). Công ty đã thực hiện thoái vốn tại CM Nha Trang, giảm tỷ lệ sở hữu của Công ty tại CM Nha Trang xuống còn 0%.                                                                                                                                                        |
| 2020 | Chuyển trụ sở từ ô 60, Khu A, Khu ĐG QSD đất, đất 3ha, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội sang địa chỉ tại Tầng 12, Tòa nhà văn phòng Intracom2, Số 33 Cầu Diễn, Phường Phúc Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội.                                                                                                                                                |
| 2020 | Công ty cổ phần CM Nha Trang tăng vốn cho cổ đông chiến lược khác. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Công ty cổ phần CM Nha Trang giảm từ 59,63% xuống còn 38,47%. Giữa hai công ty không còn mối quan hệ mẹ con kể từ ngày 23/12/2020.                                                                                                                         |

| Năm  | Nội dung                                                                                                                                                                                                                                                                    |
|------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 2019 | Đổi tên Công ty theo tên mới: Công ty cổ phần CMVIETNAM                                                                                                                                                                                                                     |
| 2018 | Tăng giá trị vốn góp tại Công ty cổ phần CM Nha Trang.                                                                                                                                                                                                                      |
| 2017 | Tham gia góp vốn thành lập và trở thành công ty mẹ Công ty cổ phần CM Nha Trang có địa chỉ trụ sở chính tại 33A, Tô Hiến Thành, Phường Tân Lập, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa. Công ty cổ phần CM Nha Trang hoạt động chính trong lĩnh vực dịch vụ du lịch khách sạn. |
| 2016 | Tăng tỷ lệ sở hữu trở thành công ty mẹ của Công ty Cổ phần Xây lắp môi trường – TKV.                                                                                                                                                                                        |
| 2015 | Tăng vốn điều lệ thành công từ 80 tỷ đồng lên 172 tỷ đồng.<br>Chính thức trở thành cổ đông lớn của Công ty Cổ phần Xây lắp môi trường – TKV.                                                                                                                                |
| 2014 | Tăng vốn điều lệ thành công từ 50 tỷ đồng lên 80 tỷ đồng.                                                                                                                                                                                                                   |
| 2013 | Xây dựng và phát triển nhận diện thương hiệu mới: CMVIETNAM<br>Đổi tên Công ty thành: Công ty Cổ phần Xây dựng và Nhân lực Việt Nam.                                                                                                                                        |
| 2012 | CMS tăng vốn điều lệ thành công từ 25 tỷ đồng lên 50 tỷ đồng.                                                                                                                                                                                                               |
| 2011 | Bắt đầu tham gia vào thị trường thi công xây lắp công trình thủy lợi, công nghiệp                                                                                                                                                                                           |
| 2010 | Tăng vốn điều lệ công ty từ 10.000.000.000 đồng lên 25.000.000.000 đồng<br>Niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) với mã chứng khoán: CMS. Tổng số cổ phiếu niêm yết là 2.500.000 cổ phiếu tương đương với giá trị là 25 tỷ đồng.                               |

- Các sự kiện khác

- + Tiếp tục triển khai thực hiện Hợp đồng tổng thầu EPC số 1102-1/2022/HĐTT ký ngày 11/02/2022 với Công ty cổ phần Tuấn Huy Phú Thọ về việc: “*Thiết kế bản vẽ thi công, thi công xây dựng các hạng mục công trình thuộc Dự án: Khu nhà ở đô thị và tổ hợp văn hóa thể thao tại thị trấn Cẩm Khê, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.*”
- + Tiếp tục triển khai thực hiện Hợp đồng thầu phụ số 01/2023/HĐTC/SĐ10-CMH ký ngày 18/05/2023 với Công ty cổ phần Sông Đà 10 về việc: “*Thi công xây dựng: Đào, giao cổ và đổ bê tông một phần hầm Sơn Triệu từ hướng cửa phía Nam (Cửa hầm, quảng trường và một phần hầm hướng phía Nam) thuộc Gói thầu 11-XL: Thi công xây dựng đoạn Km0+200-Km19+800 (bao gồm khảo sát, thiết kế bản vẽ thi công), Dự án thành phần đoạn Quy Nhơn – Chí Thạnh thuộc Dự án Xây dựng công trường đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025.*”
- + Ký mới và triển khai thực hiện Hợp đồng thầu phụ số 01/2024/HĐTC/SDD10-CMH ký ngày 27/02/2024 với Công ty cổ phần Sông Đà 10 về việc “*Thi công xây dựng: Đường dẫn, cửa hầm, quảng trường và một phần hầm E’a Trang từ hướng phía Đông thuộc Gói thầu XL02: Thi công xây dựng đoạn Km41+000-Km54+500 (bao gồm: khảo sát, thiết kế bản vẽ thi công), Dự án thành phần 2 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa – Buôn Mê Thuật giai đoạn I.*”
- + Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024

## 2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh:

| Stt | Tên ngành, nghề kinh doanh     | Mã ngành, nghề kinh doanh |
|-----|--------------------------------|---------------------------|
| 1   | Khai thác và thu gom than cứng | 510                       |

| Stt | Tên ngành, nghề kinh doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Mã ngành, nghề kinh doanh |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|
| 2   | Khai thác và thu gom than non                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 520                       |
| 3   | Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 810                       |
| 4   | Khai thác và thu gom than bùn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 892                       |
| 5   | Bán buôn kim loại và quặng kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4662                      |
| 6   | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: Bán buôn sản phẩm gỗ sơ chế, vật liệu xây dựng như: cát, sỏi, kính phẳng, ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác, bình đun nước nóng, thiết bị lắp đặt vệ sinh như: ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su, dụng cụ cầm tay: búa, cưa, tua vít, dụng cụ cầm tay;                                                                                                                                               | 4663                      |
| 7   | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4311                      |
| 8   | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4312                      |
| 9   | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4321                      |
| 10  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>Chi tiết: - Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không thuộc về điện, hệ thống ống tưới nước, hệ thống lò sưởi và điều hoà nhiệt độ hoặc máy móc công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng kỹ thuật dân dụng ; - Lắp đặt hệ thống thiết bị công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như: Thang máy, cầu thang tự động, Các loại cửa tự động, Hệ thống đèn chiếu sáng, Hệ thống hút bụi, Hệ thống âm thanh, Hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí. | 4329                      |
| 11  | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác<br>Chi tiết: Bán buôn, bán lẻ và đại lý phụ tùng, các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4530                      |
| 12  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4659                      |
| 13  | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>Chi tiết: Kinh doanh bất động sản;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 6810                      |
| 14  | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 7710                      |
| 15  | Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm<br>Chi tiết: Hoạt động của các đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (không bao gồm giới thiệu, tuyển chọn, cung ứng nhân lực cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động và doanh nghiệp chỉ hoạt động khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép, không bao gồm hoạt động cung ứng lại lao động)                                                                           | 7810                      |
| 16  | Cung ứng lao động tạm thời<br>Chi tiết: Dịch vụ giới thiệu việc làm trong nước (không bao gồm giới thiệu, tuyển chọn, cung ứng nhân lực cho các doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động và doanh nghiệp chỉ hoạt động khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép, không bao gồm hoạt động cung ứng lại lao động)                                                                                                                                                                          | 7820                      |
| 17  | Cung ứng và quản lý nguồn lao động                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 7830                      |
| 18  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4322                      |
| 19  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4330                      |
| 20  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4390                      |

| Stt | Tên ngành, nghề kinh doanh                                                                                                                | Mã ngành, nghề kinh doanh |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|
| 21  | Đào tạo sơ cấp                                                                                                                            | 8531                      |
| 22  | Đào tạo trung cấp                                                                                                                         | 8532                      |
| 23  | Hoạt động của các cơ sở thể thao                                                                                                          | 9311                      |
| 24  | Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề                                                                             | 9321                      |
| 25  | Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu                                                                                   | 9329                      |
| 26  | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất                                                                         | 6820                      |
| 27  | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan                                                                                       | 7110                      |
| 28  | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                            | 7410                      |
| 29  | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                            | 4933                      |
| 30  | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                                                            | 7730                      |
| 31  | Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính                                                                                                    | 7740                      |
| 32  | Khai thác, xử lý và cung cấp nước                                                                                                         | 3600                      |
| 33  | Thoát nước và xử lý nước thải                                                                                                             | 3700                      |
| 34  | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                         | 4101                      |
| 35  | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                   | 4102                      |
| 36  | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                             | 4211                      |
| 37  | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                              | 4212                      |
| 38  | Xây dựng công trình điện                                                                                                                  | 4221                      |
| 39  | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                       | 4222                      |
| 40  | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                        | 4223                      |
| 41  | <del>Vận dụng công trình công ích khác</del><br>Xây dựng công trình công ích khác                                                         | <del>4229</del><br>4229   |
| 42  | Xây dựng công trình thủy                                                                                                                  | 4291                      |
| 43  | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                                                           | 4292                      |
| 44  | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                                                     | 4293                      |
| 45  | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                | 4299 (Chính)              |
| 46  | (Đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ hoạt động kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật) |                           |

- Địa bàn kinh doanh:

+ Trụ sở Công ty tại Tầng 12, tòa nhà Văn phòng Intracom 2, số 33 Cầu Diễn, Phúc Diễn, Bắc Từ Liêm, Hà Nội

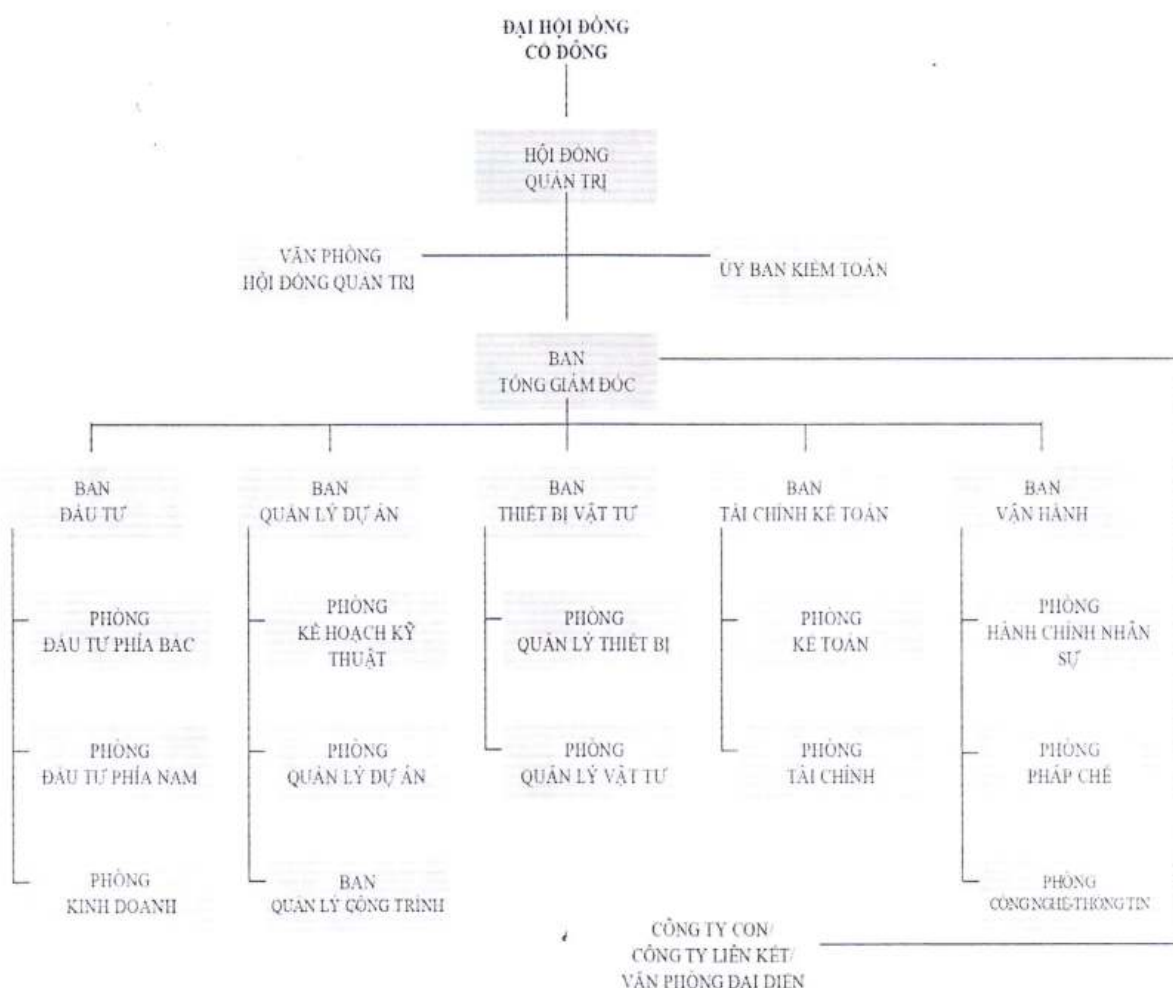
+ Trong nước: Công ty đã và đang thi công xây dựng các công trình xây dựng tại các tỉnh Bình Thuận, Đắk Lắk và Phú Thọ.

### 3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

#### 3.1 Mô hình quản trị:

- Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ), Hội đồng Quản trị (HDQT), Ủy ban Kiểm toán (UBKT) trực thuộc HĐQT và Tổng Giám đốc (TGD).

a. Sơ đồ tổ chức



b. Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ)

ĐHĐCĐ là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty, có thẩm quyền quyết định các vấn đề:

- Thông qua các báo cáo tài chính hàng năm;
- Thông qua kế hoạch SXKD hàng năm và tỷ lệ chia cổ tức;
- Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị;
- Bổ sung và sửa đổi điều lệ Công ty;
- Các thẩm quyền khác theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

c. Hội đồng Quản trị (HDQT)

HDQT là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về ĐHĐCĐ. HDQT có các quyền và nghĩa vụ sau:

- Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;
- Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được ĐHĐCĐ thông qua;
- Bổ nhiệm và bãi nhiệm các cán bộ quản lý công ty, theo đề nghị của Tổng Giám đốc điều hành và quyết định mức lương;

- Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty;
- Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Tổng Giám đốc điều hành hay cán bộ quản lý hoặc người đại diện của Công ty khi HĐQT cho rằng đó là vì lợi ích tối cao của Công ty;
- Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; tổ chức việc chi trả cổ tức;
- Các quyền và nhiệm vụ khác theo Điều lệ Công ty.

HĐQT bao gồm 05 thành viên, do ông Phạm Minh Phúc làm Chủ tịch

*d. Ủy ban Kiểm toán (UBKT)*

Là cơ quan trực thuộc HĐQT, do HĐQT bầu ra để thực phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. UBKT hoạt động theo quy định tại Điều 32 và Điều 33 Điều lệ Công ty bao gồm các nội dung chính như sau:

- UBKT có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 161, Luật Doanh nghiệp
- Được quyền tiếp cận các tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty, trao đổi với các thành viên HĐQT khác, TGD, Kế toán trưởng và cán bộ quản lý khác để thu thập thông tin phục vụ hoạt động của UBKT.
- Có quyền yêu cầu đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề liên quan báo cáo tài chính kiểm toán tại các cuộc họp của UBKT.
- Sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật, kế toán hoặc các tư vấn khác bên ngoài khi cần thiết..
- Xây dựng và trình HĐQT các chính sách phát hiện và quản lý rủi ro; đề xuất với HĐQT các giải pháp xử lý rủi ro phát sinh trong hoạt động của công ty.
- Lập báo cáo bằng văn bản gửi đến HĐQT khi phát hiện thành viên HĐQT, TGD và người quản lý khác không thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
- UBKT bao gồm 03 thành viên, do bà Nguyễn Thị Bích Lộc – Thành viên HĐQT độc lập làm Trưởng ban.

*e. Ban Tổng Giám đốc (Ban TGD)*

TGD và các thành viên khác trong Ban TGD do HĐQT bổ nhiệm. Trong đó, TGD là người điều hành và quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. TGD có các quyền và nhiệm vụ sau:

- Thực hiện các nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua;
- Quyết định các vấn đề trong phạm vi không yêu cầu phải có nghị quyết của HĐQT, bao gồm việc là đại diện Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty;
- Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà Công ty cần, trình HĐQT bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết; đề xuất và tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;

- Định kỳ hàng năm, TGD trình HĐQT phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo, trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm;
- Thực thi kế hoạch kinh doanh hàng năm được ĐHĐCĐ và HĐQT thông qua;
- Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
- Các quyền và nhiệm vụ khác theo Điều lệ Công ty.
- Ban TGD bao gồm 05 thành viên, do ông Kim Ngọc Nhân – Thành viên HĐQT làm Tổng giám đốc.

*f. Các Phòng/Ban chức năng*

- Ban vận hành:

Ban vận hành bao gồm 03 phòng: Phòng hành chính nhân sự (HCNS), Phòng pháp chế và Phòng Công nghệ - Thông tin

+ Phòng HCNS:

- Tham mưu, giúp việc cho HĐQT, Ban TGD trong công tác quản trị nguồn nhân lực; công tác quản trị hành chính, văn phòng; thực hiện nhiệm vụ quản trị hành chính và quản trị nhân sự.
- Tìm kiếm các nguồn nhân lực phù hợp yêu cầu công việc của từng loại hợp đồng, thị trường. Tổ chức đào tạo nâng cao tay nghề, trình độ cho nguồn nhân lực và phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Lập hồ sơ và theo dõi các hồ sơ liên quan trong quá trình thực hiện hợp đồng.
- Tham mưu cho Ban TGD các chính sách nhân sự, giải quyết các phát sinh giữa người lao động và Công ty.
- Truyền thông, quảng bá thương hiệu Công ty.
- Quản lý hành chính, văn thư, lưu trữ.

+ Phòng Pháp chế:

- Tham mưu, giúp việc cho HĐQT, Ban TGD về các vấn đề liên quan đến pháp lý của Công ty, đảm bảo các hoạt động của Công ty được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, giảm thiểu rủi ro pháp lý và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty.
- Tham mưu cho HĐQT, Ban TGD hoặc trực tiếp soạn thảo, thẩm định dự thảo; chủ trì hoặc đề xuất phương án sửa đổi Điều lệ, các Quy chế, Quy định và hệ thống văn bản nội bộ của Công ty cho phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.
- Kiểm soát tính tuân thủ, đảm bảo các hoạt động của Công ty tuân thủ theo các quy định của pháp luật và nội bộ Công ty.

+ Phòng Công nghệ - Thông tin:

- Tham mưu, giúp việc cho HĐQT, Ban TGD về các vấn đề liên quan đến quản lý và ứng dụng khoa học công nghệ trong quá trình hoạt động của Công ty.

- Tổ chức xây dựng, quản lý và vận hành hạ tầng kỹ thuật, cơ sở dữ liệu và hệ thống CNTT phục vụ hoạt động của Công ty.

- Ban Tài chính – Kế toán:

Ban Tài chính – Kế toán gồm 02 phòng: Phòng Kế toán và Phòng Tài chính

+ Phòng Kế toán:

- Thực hiện chức năng hạch toán kế toán theo đúng quy định của Nhà nước. Xử lý thông tin ban đầu và lập báo cáo tài chính.
- Theo dõi, phản ánh sự vận động vốn kinh doanh của Công ty và cố vấn cho Ban lãnh đạo các vấn đề liên quan.
- Tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc (Ban TGD) về chế độ kế toán. Cập nhật những thay đổi của chế độ kế toán theo quy định của pháp luật.
- Ghi chép, tính toán, và báo cáo tình hình hiện có. Ghi chép tình hình luân chuyển và sử dụng tài sản, tiền vốn. Ghi chép lại toàn bộ quá trình sử dụng vốn của công ty.
- Kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh. Kiểm tra kế hoạch thu chi tài chính. Kiểm tra việc giữ gìn và sử dụng tài sản, vật tư, tiền vốn.
- Phát hiện kịp thời những hiện tượng lãng phí. Ngăn ngừa những vi phạm chế độ, quy định của Công ty.
- Phổ biến chính sách, chế độ quản lý của nhà nước với các bộ phận liên quan khi cần thiết.
- Cung cấp các số liệu, tài liệu cho việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh. Kiểm tra, phân tích hoạt động kinh tế tài chính, phục vụ công tác lập và theo dõi kế hoạch. Cung cấp số liệu báo cáo cho các cơ quan theo chế độ kế toán hiện hành.
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho Ban TGD Công ty.

+ Phòng Tài chính:

- Chịu trách nhiệm quản lý nguồn tài chính sao cho hiệu quả và kiểm soát nguồn tài chính cần thiết cho tất cả mọi hoạt động kinh doanh trong Công ty.
- Quản lý tất cả các dòng tiền ra vào của Công ty. Đảm bảo Công ty có đủ lượng tiền mặt cần thiết phục vụ cho các hoạt động kinh doanh và đảm bảo Công ty đang quản lý và sử dụng nguồn tiền hiệu quả nhất cũng như đủ để đáp ứng toàn bộ các nghĩa vụ tài chính của Công ty. Cân đối các khoản thu, chi để công ty không bị thiếu tiền mặt chi trả mà cũng không phải trả quá nhiều chi phí lãi vay.
- Ghi nhận các giao dịch tài chính phát sinh của Công ty. Định kỳ (quý/năm) thực hiện lập báo cáo tài chính, báo cáo chi tiết về thu nhập, bảng cân đối kế toán, báo cáo lưu chuyển tiền tệ. Đánh giá và xây dựng kế hoạch ngân sách cho hoạt động của Công ty. Đồng thời, xây dựng kế hoạch cụ thể đối với các khoản mục cần phải chi, cung cấp hướng dẫn cụ thể về cách chi các khoản tiền này và lịch trình hoàn trả các khoản vay.

- Phân tích, đánh giá tình hình tài chính, kết quả kinh doanh của Công ty; tham mưu cho Ban TGD các chiến lược tài chính ngắn, trung hạn, dài hạn trên cơ sở các dự án đang và sẽ triển khai; quản lý các tài sản hiện có của Công ty, phân tích và đưa ra lựa chọn các khoản đầu tư mới.
- Kiểm tra, giám sát công tác tài chính, kế toán để đảm bảo việc tuân thủ các quy chế, quy định riêng của Công ty và các quy định của pháp luật.
- Kế toán trưởng chịu trách nhiệm về tính chính xác, phản ánh trung thực, đầy đủ về các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đối với Ban Lãnh đạo.

- Ban Quản lý dự án:

Ban quản lý dự án bao gồm 03 phòng: Phòng Kế hoạch – Kỹ thuật, Phòng Quản lý dự án và Phòng Quản lý Công trình

+ Phòng Kế hoạch – Kỹ thuật:

- Tham mưu và giúp việc cho HĐQT, Ban TGD trong công tác xây dựng định hướng hoạt động sản xuất của Công ty, lập kế hoạch sản xuất kinh doanh, kiểm tra giám sát thực hiện kế hoạch của các công trường.
- Quản lý, kiểm tra, hướng dẫn công trường thực hiện đúng quy trình, quy định về kỹ thuật, các tiêu chuẩn và tuân thủ điều khoản chất lượng trong hợp đồng; nghiên cứu ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ mới trong công tác thi công để nâng cao chất lượng; đảm bảo tiến độ và giảm giá thành sản phẩm.
- Quản lý công tác đấu thầu; quản lý các thủ tục nghiệm thu, thanh toán, quyết toán công trình, bao gồm: tạm ứng hợp đồng, thanh toán theo từng giai đoạn, giá trị phát sinh, bù giá, thanh toán hợp đồng.....

+ Phòng Quản lý dự án:

- Tham mưu cho HĐQT, Ban TGD trong công tác quản lý các dự án đầu tư của Công ty trong quá trình triển khai xây dựng.
- Giám sát, theo dõi công tác quản lý dự án đầu tư của Công ty trong quá trình xây dựng và công tác hoàn thiện dự án đảm bảo đủ điều kiện chuyển sang giai đoạn vận hành, sử dụng, đảm bảo tuân thủ các hồ sơ kỹ thuật và các quy định của pháp luật.

+ Phòng quản lý Công trình:

- Tham mưu cho HĐQT, Ban TGD trong công tác triển khai thi công dự án xây lắp.
- Xây dựng kế hoạch thi công xây dựng công trình để cấp có thẩm quyền phê duyệt.
- Tìm kiếm, đề xuất sử dụng các nhà thầu phụ (nếu có) đáp ứng các tiêu chí, yêu cầu theo kế hoạch thi công xây dựng.
- Đảm bảo công tác triển khai thi công xây dựng đúng tiến độ nhưng vẫn đảm bảo chất lượng, an toàn và hiệu quả.

- Ban Thiết bị - Vật tư:

Ban Thiết bị -Vật tư bao gồm 02 phòng: Phòng Quản lý Thiết bị và Phòng Quản lý Vật tư

+ Phòng quản lý thiết bị:

- Xây dựng quy định về quản lý thiết bị, các quy trình quản lý, quy trình và quy định về vận hành và bảo dưỡng máy móc thiết bị;
- Giám sát việc thực hiện quy chế, quy trình và các quy định đã ban hành;
- Quản lý máy móc, thiết bị thi công;
- Biên soạn tài liệu hướng dẫn, các quy định về thợ vận hành, tổ chức đào tạo thợ vận hành và thợ sửa chữa;
- Tổng hợp báo cáo định kỳ theo quy định;

+ Phòng quản lý Vật tư:

- Xây dựng quy chế, quy trình và các quy định quản lý vật tư;
- Xây dựng, quản lý kế hoạch cung ứng vật tư cho công trường, đảm bảo cung ứng đầy đủ vật tư cho công trường;
- Quản lý vật tư, thống kê nhập xuất tồn vật tư, bảo quản, kiểm kê kho vật tư;
- Tổng hợp báo cáo tình hình sử dụng vật tư tại công trường;
- Quản lý hồ sơ thanh lý các vật tư.
- Tìm kiếm, đề xuất sử dụng nhà cung cấp vật tư có nguồn chi phí rẻ, đảm bảo chất lượng.

- Ban Đầu tư:

Ban Đầu tư gồm 03 phòng: Phòng Đầu tư phía bắc, Phòng đầu tư phía nam và Phòng kinh doanh. Chức năng, nhiệm vụ của Ban Đầu tư bao gồm:

+ Nghiên cứu thị trường, tổng hợp và báo cáo Ban TGD lựa chọn các dự án đầu tư tiềm năng

+ Lập Phương án và đề xuất đầu tư

+ Quản lý và triển khai dự án theo đúng trình tự và các quy định pháp luật hiện hành.

+ Triển khai và quản lý bán hàng các sản phẩm đầu tư

+ Các nhiệm vụ khác theo phân công của Ban Lãnh đạo

- Công ty con, Công ty liên kết: (Chi tiết xem tại Mục 3.3)

- Tổ chức chính trị

+ Chi bộ Đảng;

+ Công đoàn;

+ Đoàn thanh niên.

### 3.2 Tổng quan về nhân sự:

Chất lượng nguồn nhân lực là một trong những yếu tố quan trọng quyết định sự phát triển của Công ty, vì vậy Công ty luôn đặt mục tiêu xây dựng đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp lên hàng đầu trong chiến lược phát triển của mình.

Tại thời điểm 31/12/2024, toàn tập đoàn có 125 cán bộ công nhân viên (CBCNV). Chế độ làm việc của Công ty như sau:

- *Thời gian làm việc:* 8h/ngày, 5 ngày/tuần  
Khi có yêu cầu về tiến độ sản xuất kinh doanh, CBCNV có trách nhiệm làm thêm giờ và Công ty có những quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của Nhà nước.
- *Điều kiện làm việc:* Công ty trang bị đầy đủ các công cụ bảo hộ lao động, tổ chức huấn luyện, nhắc nhở lại an toàn lao động trước khi bắt đầu làm việc đồng thời Công ty luôn tuân thủ các nguyên tắc an toàn lao động để đảm bảo năng suất lao động cao và an toàn cho CBCNV.
- *Chính sách lương thưởng, phúc lợi:* Chính sách lương của Công ty được xây dựng dựa vào nguyên tắc công bằng trên cơ sở đánh giá một cách toàn diện trình độ, năng lực, kinh nghiệm, hệ số năng suất của từng cá nhân và kết quả hoạt động kinh doanh của từng thời kỳ. Hệ thống này cũng bảo đảm tuân thủ những quy định về chế độ tiền lương của Nhà nước, định kỳ, người lao động trong Công ty được hưởng lương và được xem xét nâng bậc lương căn cứ vào trình độ, năng lực và hiệu quả công việc được giao.

### 3.3 Các công ty con, công ty liên kết:

- Các công ty con:

| Tên công ty                             | Địa chỉ trụ sở chính                                                                      | Hoạt động kinh doanh chính                | Tỷ lệ lợi ích |            | Tỷ lệ quyền biểu quyết |            |
|-----------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|---------------|------------|------------------------|------------|
|                                         |                                                                                           |                                           | Số cuối năm   | Số đầu năm | Số cuối năm            | Số đầu năm |
| Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại | Ô 60, khu A ĐG QSD đất, khu đất 3Ha, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội | Thương mại                                | 100%          | 100%       | 100%                   | 100%       |
| Công ty Cổ phần Xây lắp Môi trường      | Thôn 11, xã Nhân Cơ, huyện Đăk R'Lấp, tỉnh Đăk Nông                                       | Xây lắp và hoạt động khai thác khoáng sản | 68,44%        | 68,44%     | 68,44%                 | 68,44%     |

## 4. Định hướng phát triển

Trong chặng đường 17 năm hình thành và phát triển, CMH Group đã khẳng định với vai trò là Nhà thầu thi công xây lắp chuyên nghiệp tại nhiều công trình trong và ngoài nước với các Chủ Đầu Tư như Bộ Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, Tập đoàn Than và Khoáng sản Việt Nam và các đối tác quốc tế lớn như: SKEC (Hàn Quốc), Ch.Karn Chang (Thái Lan), Kajima (Nhật Bản), Duglas ALLIANCE (Anh), Hazama Ando (Nhật Bản),...

Từ năm 2022, với sự thay đổi tên và nhận diện thương hiệu, Công ty đã dần chuyển đổi và mở rộng hoạt động kinh doanh sang lĩnh vực đầu tư và kinh doanh bất động sản nhằm tận dụng tối đa lợi thế từ nhà thầu thi công xây lắp của mình. Tại mọi thời điểm trong suốt quá trình hình thành và phát triển, CMH Group vẫn luôn giữ tôn chỉ ***“Phát triển con người là trung tâm của mọi hoạt động và phát triển của Công ty”***.

## 5. Rủi ro

Sau thời gian chịu ảnh hưởng từ đại dịch Covid và biến động kinh tế, chính trị thế giới, nền kinh tế Việt Nam đang có sự phục hồi và phát triển mạnh mẽ nhờ vào các chính sách hỗ trợ thúc đẩy kinh tế của Chính Phủ.

Tuy nhiên, những rủi ro tiềm ẩn từ thiên tai, biến động kinh tế chính trị thế giới, những điều chỉnh pháp luật về đất đai, tài chính và kinh tế vĩ mô,.... Có thể tác động đến giá cả vật liệu và/hoặc tăng chi phí cho các dự án đầu tư, công trình xây dựng. Thêm vào đó, thị trường bất động sản chưa có sự phục hồi rõ rệt. Đây là các yếu tố rủi ro có thể ảnh hưởng đến tình trạng hoạt động và kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

Để phòng ngừa và giảm thiểu các ảnh hưởng tiêu cực từ các rủi ro có thể xảy ra, Công ty đã và đang không ngừng xây dựng và hoàn thiện hệ thống quản trị nội bộ, tuân thủ các quy định của pháp luật, đồng thời thường xuyên cập nhật các biến động từ kinh tế vĩ mô trong nước và quốc tế, đặc biệt là các thông tin có ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty nhằm đánh giá các nguy cơ tiềm ẩn và xây dựng các phương án phòng ngừa phù hợp.

## II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm toàn tập đoàn:

Đơn vị tính: Đồng

| Stt | Nội dung                                                      | Năm 2023       | Năm 2024        |
|-----|---------------------------------------------------------------|----------------|-----------------|
| 1   | Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ                        | 98.101.923.040 | 202.066.527.362 |
| 2   | Các khoản giảm trừ doanh thu                                  |                |                 |
| 3   | Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (3=1-2)       | 98.101.923.040 | 202.066.527.362 |
| 4   | Giá vốn hàng bán                                              | 88.097.334.454 | 186.753.084.619 |
| 5   | Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (5=3-4)         | 10.004.588.586 | 15.313.442.743  |
| 6   | Doanh thu hoạt động tài chính                                 | 4.780.618.671  | 1.055.190.182   |
| 7   | Chi phí tài chính                                             | 2.560.555.298  | 2.469.960.527   |
|     | - Trong đó: Chi phí lãi vay                                   | 2.317.445.173  | 2.469.960.527   |
| 8   | Phần lãi lỗ trong công ty liên doanh, liên kết                |                |                 |
| 9   | Chi phí bán hàng                                              |                |                 |
| 10  | Chi phí quản lý doanh nghiệp                                  | 13.474.953.744 | 13.398.517.827  |
| 11  | Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {11=5+(6-7)+8-(9+10)} | -1.250.301.785 | 500.154.571     |
| 12  | Thu nhập khác                                                 | 5.023.549.454  | 7.416.014.499   |

(\*) Kế hoạch năm 2024 theo Nghị quyết số 01/2024/NQ/ĐHĐCĐ-CMH ngày 27/04/2024

| Nội dung                  | Kế hoạch năm 2024 (*) | Thực hiện năm 2024 | % Hoàn thành |
|---------------------------|-----------------------|--------------------|--------------|
| Doanh thu                 | 204.333.246,582       | 202.066,527,362    | 99%          |
| Lợi nhuận trước thuế TNĐN | 6.129.997,397         | 6.859.778,652      | 112%         |
| Cổ tức                    | 0%                    | 0%                 |              |

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

(Xem tại Báo cáo tài chính Công ty năm 2024 đã được kiểm toán)

| Stt | Nội dung                                                                  | Năm 2023       | Năm 2024        |
|-----|---------------------------------------------------------------------------|----------------|-----------------|
| 1   | Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ                                    | 97.312.008,435 | 201.911.179,536 |
| 2   | Các khoản giảm trừ doanh thu                                              | 0              | 0               |
| 3   | Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)            | 97.312.008,435 | 201.911.179,536 |
| 4   | Giá vốn hàng bán                                                          | 87.906.379,031 | 187.787,384,619 |
| 5   | Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)              | 9.405.629,404  | 14.123.794,917  |
| 6   | Doanh thu hoạt động tài chính                                             | 4.806,238,907  | 1.054,935,342   |
| 7   | Chi phí tài chính                                                         | 2.560,555,298  | 2.469,960,527   |
|     | - Trong đó: Chi phí lãi vay                                               | 2.317,445,173  | 2.469,960,527   |
| 8   | Chi phí bán hàng                                                          | 0              | 0               |
| 9   | Chi phí quản lý doanh nghiệp                                              | 11.323,677,663 | 11.606,296,820  |
| 10  | Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)} | 327,635,350    | 1.102,472,912   |
| 11  | Thu nhập khác                                                             | 5.023,549,454  | 7.412,248,943   |
| 12  | Chi phí khác                                                              | 953,394,088    | 1.056,295,834   |
| 13  | Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)                                             | 4.070,155,366  | 6.355,953,109   |
| 14  | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)                          | 4.397,790,716  | 7.458,426,021   |
| 15  | Chi phí thuế TNĐN hiện hành                                               | 1.482,539,287  | 1.905,857,776   |
| 16  | Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)              | 2.915,251,429  | 5.552,568,245   |

Đơn vị tính: Đồng

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm của Công ty:

(Xem tại Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 đã được kiểm toán)

| Stt | Nội dung                                                     | Năm 2023      | Năm 2024      |
|-----|--------------------------------------------------------------|---------------|---------------|
| 13  | Chi phí khác                                                 | 953,566,325   | 1.056,390,418 |
| 14  | Lợi nhuận khác (14 = 12 - 13)                                | 4.069,983,129 | 6.359,624,081 |
| 15  | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (15 = 11 + 14)             | 2.819,681,344 | 6.859,778,652 |
| 16  | Chi phí thuế TNĐN hiện hành                                  | 1.482,539,287 | 1.905,857,776 |
| 17  | Chi phí thuế TNĐN hoãn lại                                   |               |               |
| 18  | Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (18 = 15 - 16 - 17) | 1.337,142,057 | 4.953,920,876 |
| 19  | Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ                                | 1.626,857,771 | 4.946,201,906 |
| 20  | Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ không kiểm soát                | -289,715,714  | 7.718,970     |
| 21  | Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)                                 | 64            | 194           |
| 22  | Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)                               | 64            | 194           |

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban TGD:

| Stt | Họ và tên      | Chức vụ          | Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm | Ngày miễn nhiệm | Số cổ phần sở hữu |
|-----|----------------|------------------|----------------------------|-----------------|-------------------|
| 01  | Kim Ngọc Nhân  | TGD              | 20/11/2023                 |                 | 300.000           |
| 02  | Nguyễn Văn Phi | Phó TGD          | 06/01/2022                 |                 | 34                |
| 03  | Trần Văn Trung | Phó TGD          | 20/06/2015                 |                 | 0                 |
| 04  | Đinh Thị Thủy  | Phó TGD kiêm KTT | 25/02/2014                 |                 | 114.686           |
| 05  | Nguyễn Ngọc Tú | Phó TGD          | 19/04/2017                 |                 | 23                |

- Số lượng cán bộ, nhân viên tại ngày 31/12/2024: 125 người

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

- a) Các khoản đầu tư lớn:
- Công ty tiếp tục thực hiện việc hợp tác đầu tư xây dựng và phát triển dự án "Khu nhà ở đô thị và tổ hợp văn hóa thể thao tại thị trấn Cẩm Khê, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ" cùng với Chủ đầu tư của dự án là Công ty cổ phần Tuấn Huy Phú Thọ.
- Bên cạnh đó, Công ty cũng tiếp tục tìm kiếm các cơ hội để đầu tư các dự án bất động sản tiềm năng khác.

- b) Các công ty con, công ty liên kết
- Công ty cổ phần CM Đầu tư và Thương mại: Theo nghị quyết của HĐQT đã thông qua. Công ty cổ phần CM Đầu tư và Thương mại vẫn đang trong quá trình chờ thu tục giải thể.
- Công ty cổ phần Xây lắp môi trường: Trong năm 2024, Công ty không có các hợp đồng thi công xây dựng nào khác. Hoạt động chủ yếu trong năm 2024 của Công ty là cho thuê máy móc thiết bị thi công và tập trung cho công tác quyết toán các dự án đã thi công xây dựng từ các năm trước.

- c) Thực hiện các dự án thi công xây dựng:
- Công ty tiếp tục đẩy mạnh công tác thi công xây dựng tại các công trình xây lắp/hợp đồng đã có như:

+ Hợp đồng tổng thầu EPC thi công xây dựng số 1102-1/2022/HBĐT ký ngày 11/02/2022 với Công ty cổ phần Tuấn Huy Phú Thọ về việc: "Thiết kế bản vẽ thi công, thi công xây dựng các hạng mục công trình thuộc Dự án: Khu nhà ở đô thị và tổ hợp văn hóa thể thao tại thị trấn Cẩm Khê, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ."

+ Hợp đồng thầu thi công xây dựng số 01/2023/HBTC/SD10-CMH ký ngày 18/05/2023 với Công ty cổ phần Sông Đà 10 về việc: "Thi công xây dựng: Đào, gia cố và đổ bê tông một phần hầm Sơn Trệu từ hướng cửa phía Nam (Cửa hầm, quặng trước và một phần hầm hướng phía Nam) thuộc Gói thầu 11-XL: Thi công xây dựng đoạn Km0+200-Km19+800 (bao gồm khảo sát, thiết kế bản vẽ thi công), Dự án hoàn

*phần đoạn Quy Nhơn – Chí Thạnh thuộc Dự án Xây dựng công trường đường bộ cao tốc Bắc – Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025.”*

Trong năm 2024, Công ty cũng đã ký mới và tổ chức thi công xây dựng công trình hầm đườn bộ E'a Trang 1 theo Hợp đồng thầu phụ thi công xây dựng công trình số 01/2024/HĐTC/SDD10-CMH ký ngày 27/02/2024 với Công ty cổ phần Sông Đà 10 về việc “*Thi công xây dựng: Đường dẫn, cửa hầm, quảng trường và một phần hầm E'a Trang từ hướng phía Đông thuộc Gói thầu XL02: Thi công xây dựng đoạn Km41+000-Km54+500 (bao gồm: khảo sát, thiết kế bản vẽ thi công), Dự án thành phần 2 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa – Buôn Mê Thuột giai đoạn I.*”

#### 4. Tình hình tài chính

##### a) Tình hình tài chính chung:

| Chi tiêu                          | Năm 2023        | Năm 2024        | % (+/-) |
|-----------------------------------|-----------------|-----------------|---------|
| Tổng giá trị tài sản              | 427.437.221.768 | 560.095.502.945 | 31,04%  |
| Doanh thu thuần                   | 98.101.923.040  | 202.066.527.362 | 105,98% |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 10.004.588.586  | 15.313.442.743  | 53,06%  |
| Lợi nhuận khác                    | 4.069.983.129   | 6.359.624.081   | 56,26%  |
| Lợi nhuận trước thuế TNDN         | 2.819.681.344   | 6.859.778.652   | 143,28% |
| Lợi nhuận sau thuế TNDN           | 1.337.142.057   | 4.953.920.876   | 270,49% |

##### b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

| Chi tiêu                                                  | Năm 2023        | Năm 2024        |
|-----------------------------------------------------------|-----------------|-----------------|
| 1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán                        |                 |                 |
| + Hệ số thanh toán ngắn hạn                               | 2,93            | 3,74            |
| + Hệ số thanh toán nhanh                                  | 2,30            | 2,85            |
| + Hệ số thanh toán tức thời                               | 0,57            | 0,16            |
| 2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn                                 |                 |                 |
| + Hệ số nợ/Tổng tài sản                                   | 0,36            | 0,50            |
| + Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu                                 | 0,55            | 1,00            |
| + Hệ số nợ dài hạn/Vốn chủ sở hữu                         | 0,07            | 0,52            |
| + Hệ số nợ dài hạn/Tổng nguồn vốn                         | 0,05            | 0,26            |
| 3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động                         |                 |                 |
| + Vòng quay hàng tồn kho                                  | 1,59            | 1,84            |
| + Vòng quay tổng tài sản                                  | 0,23            | 0,36            |
| 4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời                          |                 |                 |
| + Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần                | 1,36%           | 2,45%           |
| + Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu                 | 0,49%           | 1,77%           |
| + Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản                   | 0,31%           | 0,88%           |
| + Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần | -1,27%          | 0,25%           |
| 5. Chỉ tiêu bảng cân đối kế toán                          |                 |                 |
| + Tài sản lưu động                                        | 385.461.098.589 | 504.403.213.466 |
| + Tổng tài sản                                            | 427.437.221.768 | 560.095.502.945 |

| Chỉ tiêu                           | Năm 2023        | Năm 2024        |
|------------------------------------|-----------------|-----------------|
| + Nợ ngắn hạn                      | 131.775.049.256 | 135.043.898.578 |
| + Tổng nợ                          | 151.988.107.105 | 279.692.467.406 |
| + Vốn cổ phần                      | 254.525.000.000 | 254.525.000.000 |
| + Nguồn vốn chủ sở hữu             | 275.449.114.663 | 280.403.035.539 |
| 6. Chỉ tiêu tính trên một cổ phiếu |                 |                 |
| + EPS cơ bản                       | 63,92           | 194,33          |
| 7. Chỉ tiêu về định giá cổ phiếu   |                 |                 |
| + P/E                              | 298,82          | 50,43           |
| + P/B cuối kỳ                      | 1,77            | 0,89            |
| + Hệ số giá/Doanh thu              | 4,95            | 1,23            |
| 8. Chỉ số về tăng trưởng           |                 |                 |
| + Tăng trưởng doanh thu            | -38,78%         | 105,98%         |
| + Tăng trưởng lợi nhuận gộp        | -24,54%         | 53,06%          |
| + Tăng trưởng lợi nhuận trước thuế | 208,43%         | 143,28%         |
| + Tăng trưởng lợi nhuận thuần      | -69,73%         | -140,00%        |
| + Tăng trưởng tài sản lưu động     | -10,82%         | 30,86%          |
| + Tăng trưởng EPS                  | 326,67%         | 203,13%         |
| + Tăng trưởng tổng tài sản         | -14,18%         | 31,04%          |
| + Tăng trưởng nguồn vốn chủ sở hữu | -10,79%         | 1,80%           |

## 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

### 5.1 Cổ phần:

Tổng số cổ phần đang lưu hành: 25.452,500 cổ phần, trong đó:

- + Số cổ phần lưu hành tự do: 25.452.500 cổ phần
- + Số cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần

### 5.2 Cơ cấu cổ đông tại ngày 31/12/2024:

| Stt  | Cổ đông            | Số cổ phần | Giá trị (đồng)  | Tỷ lệ (%) |
|------|--------------------|------------|-----------------|-----------|
| I.   | Cổ đông Nhà nước   | 0          | 0               | 0         |
| II.  | Cổ đông trong nước | 25.449.980 | 254.499.800.000 | 99,99%    |
| 1    | Cổ đông tổ chức    | 184.100    | 1.841.000.000   | 0,72%     |
| 2    | Cổ đông cá nhân    | 25.265.880 | 252.658.800.000 | 99,27%    |
| III. | Cổ đông nước ngoài | 2.520      | 25.200.000      | 0,01%     |
| 1    | Cổ đông tổ chức    | 100        | 1.000.000       | 0,00%     |
| 2    | Cổ đông cá nhân    | 2.420      | 24.200.000      | 0,01%     |
|      | Tổng cộng          | 25.452.500 | 254.525.000.000 | 100,00%   |

Danh sách cổ đông lớn tại ngày 31/12/2024

| TT | Tên cổ đông    | Địa chỉ                                                                    | Số cổ phần | Tỷ lệ (%) |
|----|----------------|----------------------------------------------------------------------------|------------|-----------|
| 1  | Phạm Minh Phúc | P1607, Tòa Sapphire 2, Goldmark City,<br>136 Hồ Tùng Mậu, Phú Diễn, Hà Nội | 5.591.200  | 21,97%    |

| TT | Tên cổ đông      | Địa chỉ                              | Số cổ phần | Tỷ lệ (%) |
|----|------------------|--------------------------------------|------------|-----------|
| 2  | Nguyễn Đức Hường | 5 Tổ 13 Láng Thượng, Đống Đa, Hà Nội | 4.282.800  | 16,83%    |

### 5.3 Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

|                                  |   |                    |
|----------------------------------|---|--------------------|
| - Số cổ phần tại ngày 31/12/2023 | : | 25.452.500 cổ phần |
| - Số cổ phần tăng trong năm 2024 | : | 0 cổ phần          |
| - Số cổ phần giảm trong năm 2024 | : | 0 cổ phần          |
| - Số cổ phần tại ngày 31/12/2024 | : | 25.452.500 cổ phần |

### 5.4 Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không phát sinh

### 5.5 Các chứng khoán khác: Không phát sinh

## III. BAN TỔNG GIÁM ĐỐC BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ VỀ TÌNH HÌNH MỌI MẶT CỦA CÔNG TY

### 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Trong năm 2024, mặc dù nền kinh tế còn nhiều khó khăn, thách thức và có nhiều những biến động phức tạp khó lường trước, dưới sự chỉ đạo sát sao của HĐQT, Ban điều hành Công ty đã triển khai bám sát các định hướng kế hoạch đã được thông qua tại kỳ họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 với kết quả đạt được như sau:

| Nội dung             | Kế hoạch năm 2024 (*) | Thực hiện năm 2024 | % Hoàn thành |
|----------------------|-----------------------|--------------------|--------------|
| Doanh thu            | 204.333.246.582       | 202.066.527.362    | 99%          |
| Lợi nhuận trước thuế | 6.129.997.397         | 6.859.778.652      | 112%         |

(\*) Kế hoạch năm 2024 theo Nghị quyết số 01/2024/NQ/ĐHĐCĐ-CMH ngày 27/04/2024

### 2. Tình hình tài chính:

#### 2.1. Tình hình tài chính tại Công ty

| Chỉ tiêu                             | Năm 2023        | Năm 2024        | % (+/-) |
|--------------------------------------|-----------------|-----------------|---------|
| 1. Tình hình tài sản                 |                 |                 |         |
| + Tổng tài sản ngắn hạn              | 335.421.656.307 | 454.830.383.965 | 35,60%  |
| - Tiền và các khoản tương đương tiền | 56.723.924.579  | 8.412.267.299   | -85,17% |
| - Đầu tư tài chính ngắn hạn          | 18.432.781.099  | 13.285.547.784  | -27,92% |
| - Các khoản phải thu ngắn hạn        | 180.440.243.569 | 314.698.693.573 | 74,41%  |
| - Hàng tồn kho                       | 67.120.006.688  | 103.957.158.087 | 54,88%  |
| - Tài sản ngắn hạn khác              | 12.704.700.372  | 14.476.717.222  | 13,95%  |
| + Tổng tài sản dài hạn               | 99.213.846.864  | 113.553.117.063 | 14,45%  |
| - Các khoản phải thu dài hạn         | 9.198.971.542   | 23.397.760.979  | 154,35% |
| - Tài sản cố định                    | 26.250.564.659  | 20.677.746.240  | -21,23% |
| - Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 58.795.483.433  | 58.795.483.433  | 0,00%   |
| - Tài sản dài hạn khác               | 4.968.827.230   | 10.682.126.411  | 114,98% |
| + Tổng tài sản                       | 434.635.503.171 | 568.383.501.028 | 30,77%  |

| Chi tiêu                            | Năm 2023        | Năm 2024        | % (+/-) |
|-------------------------------------|-----------------|-----------------|---------|
| 2, Tình hình nợ phải trả            |                 |                 |         |
| - Nợ phải trả ngắn hạn              | 158.380.906.934 | 162.140.825.567 | 2,37%   |
| - Nợ phải trả dài hạn               | 18.618.082.825  | 143.053.593.804 | 668,36% |
| + Tổng nợ phải trả                  | 176.998.989.759 | 305.194.419.371 | 72,43%  |
| 3, Giá trị tài sản ròng             | 257.636.513.412 | 263.189.081.657 | 2,16%   |
| 4, Vốn góp chủ sở hữu               | 254.525.000.000 | 254.525.000.000 | 0,00%   |
| 5, Các khoản tăng/giảm vốn CSH khác | -441.950.000    | -441.950.000    | 0,00%   |
| 6, Lợi nhuận của CSH                | 3.553.463.412   | 9.106.031.657   | 156,26% |
| 7, Kết quả kinh doanh               |                 |                 |         |
| + Tổng doanh thu                    | 102.118.247.342 | 202.966.114.878 | 98,76%  |
| - Doanh thu bán hàng                | 97.312.008.435  | 201.911.179.536 | 107,49% |
| - Doanh thu hoạt động tài chính     | 4.806.238.907   | 1.054.935.342   | -78,05% |
| + Tổng chi phí                      | 101.790.611.992 | 201.863.641.966 | 98,31%  |
| - Giá vốn hàng bán                  | 87.906.379.031  | 187.787.384.619 | 113,62% |
| - Chi phí tài chính                 | 2.560.555.298   | 2.469.960.527   | -3,54%  |
| - Chi phí bán hàng                  | 0               | 0               |         |
| - Chi phí quản lý điều hành         | 11.323.677.663  | 11.606.296.820  | 2,50%   |
| + Lãi lỗ trong Công ty liên kết     | 0               | 0               |         |
| + Lợi nhuận thuần từ HĐKD           | 327.635.350     | 1.102.472.912   | 236,49% |
| + Lợi nhuận bất thường khác         | 4.070.155.366   | 6.355.953.109   | 56,16%  |
| - Doanh thu bất thường              | 5.023.549.454   | 7.412.248.943   | 47,55%  |
| - Chi phí bất thường                | 953.394.088     | 1.056.295.834   | 10,79%  |
| + Tổng lợi nhuận trước thuế         | 4.397.790.716   | 7.458.426.021   | 69,59%  |
| + Thuế TNDN                         | 1.482.539.287   | 1.905.857.776   | 28,55%  |
| + Lợi nhuận sau thuế                | 2.915.251.429   | 5.552.568.245   | 90,47%  |

(Xem Báo cáo tài chính Công ty năm 2024 đã được kiểm toán)

## 2.2. Tình hình tài chính hợp nhất toàn tập đoàn

| Chi tiêu                             | Năm 2023        | Năm 2024        | % (+/-) |
|--------------------------------------|-----------------|-----------------|---------|
| 1, Tình hình tài sản                 |                 |                 |         |
| + Tổng tài sản ngắn hạn              | 385.461.098.589 | 504.403.213.466 | 30,86%  |
| - Tiền và các khoản tương đương tiền | 57.152.714.623  | 8.437.777.299   | -85,24% |
| - Đầu tư tài chính ngắn hạn          | 18.432.781.099  | 13.285.547.784  | -27,92% |
| - Các khoản phải thu ngắn hạn        | 213.905.443.221 | 348.507.722.903 | 62,93%  |
| - Hàng tồn kho                       | 82.994.298.319  | 119.692.855.872 | 44,22%  |
| - Tài sản ngắn hạn khác              | 88.561.357.049  | 36.202.634.691  | -59,12% |
| + Tổng tài sản dài hạn               | 41.976.123.179  | 55.692.289.479  | 32,68%  |
| - Các khoản phải thu dài hạn         | 9.198.971.542   | 23.397.760.979  | 154,35% |
| - Tài sản cố định                    | 26.250.564.659  | 20.677.746.240  | -21,23% |

| Chỉ tiêu                               | Năm 2023        | Năm 2024        | % (+/-) |
|----------------------------------------|-----------------|-----------------|---------|
| - Các khoản đầu tư tài chính dài hạn   | 0               | 0               |         |
| - Tài sản dài hạn khác                 | 6.526.586.978   | 11.616.782.260  | 77,99%  |
| + Tổng tài sản                         | 427.437.221.768 | 560.095.502.945 | 31,04%  |
| 2, Tình hình nợ phải trả               |                 |                 |         |
| - Nợ phải trả ngắn hạn                 | 131.775.049.256 | 135.043.898.578 | 2,48%   |
| - Nợ phải trả dài hạn                  | 20.213.057.849  | 144.648.568.828 | 615,62% |
| + Tổng nợ phải trả                     | 151.988.107.105 | 279.692.467.406 | 84,02%  |
| 3, Giá trị tài sản ròng                | 275.449.114.663 | 280.403.035.539 | 1,80%   |
| 4, Vốn góp chủ sở hữu                  | 254.525.000.000 | 254.525.000.000 | 0,00%   |
| 5, Vốn khác chủ sở hữu                 | -3.668.232      | -3.668.232      | 100,00% |
| 6, Lợi nhuận chưa phân phối của CSH    | 982.587.804     | 5.928.789.710   | 503,39% |
| 7, Lợi ích của cổ đông không kiểm soát | 19.945.195.091  | 19.952.914.061  | 0,04%   |
| 8, Kết quả kinh doanh                  |                 |                 |         |
| + Tổng doanh thu                       | 102.882.541.711 | 203.121.717.544 | 97,43%  |
| - Doanh thu bán hàng                   | 98.101.923.040  | 202.066.527.362 | 105,98% |
| - Doanh thu hoạt động tài chính        | 4.780.618.671   | 1.055.190.182   | -77,93% |
| + Tổng chi phí                         | 104.132.843.496 | 202.621.562.973 | 94,58%  |
| - Giá vốn hàng bán                     | 88.097.334.454  | 186.753.084.619 | 111,98% |
| - Chi phí tài chính                    | 2.560.555.298   | 2.469.960.527   | -3,54%  |
| - Chi phí bán hàng                     | 0               | 0               |         |
| - Chi phí quản lý điều hành            | 13.474.953.744  | 13.398.517.827  | -0,57%  |
| + Lãi lỗ trong Công ty liên kết        | 0               | 0               |         |
| + Lợi nhuận thuần từ HĐKD              | -1.250.301.785  | 500.154.571     | 140,00% |
| + Lợi nhuận bất thường khác            | 4.069.983.129   | 6.359.624.081   | 2924%   |
| - Doanh thu bất thường                 | 5.023.549.454   | 7.416.014.499   | 47,62%  |
| - Chi phí bất thường                   | 953.566.325     | 1.056.390.418   | 10,78%  |
| + Tổng lợi nhuận trước thuế            | 2.819.681.344   | 6.859.778.652   | 143,28% |
| + Thuế TNDN                            | 1.482.539.287   | 1.905.857.776   | 28,55%  |
| + Lợi nhuận sau thuế                   | 1.337.142.057   | 4.953.920.876   | 270,49% |

(Xem Báo cáo tài chính hợp nhất Công ty năm 2024 đã được kiểm toán)

### 3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Tiếp tục kiện toàn bộ máy tổ chức, trên cơ sở một cơ cấu gọn nhẹ, dễ vận hành, đặc biệt là khối lao động gián tiếp. Phân công phận nhiệm rõ ràng, đảm bảo phát huy vai trò của các cá nhân trong bộ máy, đồng thời không có sự chồng chéo lẫn nhau.

Nâng cao chất lượng nguồn lao động, bao gồm cả lao động gián tiếp và trực tiếp, đào tạo và đào tạo lại nguồn nhân lực đảm bảo phù hợp với những chuyển biến/đặc điểm mới trong hoạt động SXKD của Công ty, nâng cao năng suất/chất lượng lao động với thu nhập đảm bảo thu nhập là một trong những yếu tố tăng sự thu hút và tăng năng suất lao động.

Tuyển dụng các nhân sự mới có trình độ và kiến thức đáp ứng với nhu cầu công việc của Công ty đặc biệt là phục vụ cho các công việc mới dự kiến phát sinh trong năm.

Duy trì mối quan hệ tốt với đội ngũ người lao động đã, đang làm việc tại Công ty bằng chính sách, đãi ngộ, văn hóa, là cơ sở và đầu mối thu hút/huy động được nguồn nhân lực có chất lượng cho các yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh.

Cải cách chế độ tiền lương để thu hút được nguồn nhân lực có chất lượng.

Tăng cường công tác thanh- kiểm tra trong lĩnh vực ATVSLĐ. Đảm bảo việc lao động an toàn trên mọi công trường, trên mọi địa bàn.

Tăng cường công tác quản lý, công tác định mức nhằm kiểm soát chi phí, tránh chi phí phát sinh, tiết kiệm tối đa các chi phí đầu vào trong sản xuất để tăng hiệu quả kinh

Tuân thủ các quy định của pháp luật trong mọi hoạt động kinh doanh của Công ty

#### **4. Kế hoạch phát triển trong tương lai**

Công ty sẽ tìm kiếm để mở rộng hoạt động đầu tư tại các dự án tiềm năng phù hợp với điều kiện thị trường và nguồn lực, trong đó sẽ tập trung vào lĩnh vực đầu tư bất động sản ở các phân khúc nhà ở đô thị. Trên cơ sở định hướng này, trong thời gian tới, Công ty tiếp tục nghiên cứu các dự án có quy mô phù hợp, đàm phán để tham gia đầu tư một số dự án dưới các hình thức nhận chuyển nhượng, mua bán sáp nhập hoặc hợp tác góp vốn đầu tư.

Tận dụng năng lực và kinh nghiệm sẵn có. Công ty xác định tiếp tục lấy hoạt động thi công xây lắp là hoạt động nòng cốt trong thời gian tới. Tuy nhiên, Công ty sẽ có những điều chỉnh phù hợp theo từng giai đoạn nhằm tập trung thi công cho các dự án mà Công ty tham gia đầu tư.

#### **5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)**

(Không có)

#### **6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty**

##### **a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)**

Với hoạt động chính là thi công xây dựng các công trình giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật. Công ty luôn tuân thủ các quy định của Nhà Nước và Chủ đầu tư về các yêu cầu liên quan đến đảm bảo an toàn, vệ sinh môi trường; nhằm giảm thiểu thấp nhất các tác động tiêu cực đến môi trường, đời sống xã hội tại địa bàn thi công.

##### **b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động**

Công ty luôn đặt các vấn đề liên quan đến người lao động là sự ưu tiên quan tâm hàng đầu trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh.

Để đảm bảo an toàn cho người lao động trong quá trình làm việc, song song với công tác huấn luyện ATLĐ, Công ty đã trang bị đầy đủ đồ dùng, thiết bị bảo hộ lao động đồng thời yêu cầu người lao động tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về an toàn lao động.

Để giảm thiểu rủi ro về lao động, Công ty đã mua bảo hiểm tai nạn lao động

Đảm bảo nhu cầu dinh dưỡng cho người lao động thông qua chế độ ăn/nghỉ

Đảm bảo việc trả lương/thu nhập cho người lao động theo đúng quy chế lao động tiền lương của Công ty và quy định của pháp luật về tiền lương.

**c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương**

Tại các địa phương nơi có dự án công trình đang đầu tư và thi công xây dựng, Công ty nghiêm túc tuân thủ các quy định của chính quyền địa phương, phối hợp tốt với chính quyền, nhân dân địa phương trong công tác bảo đảm an ninh trật tự, tham gia các phong trào xã hội tại địa phương khi có đề nghị từ các cấp chính quyền.

**IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

**1. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Công ty**

Thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 của Công ty đã đạt được như sau:

Đơn vị tính: 1.000.000 đồng

| Chỉ tiêu                  | Năm 2023 | Kế hoạch 2024 (KH) <sup>(*)</sup> | Thực hiện 2024 (TH) | % TH/KH | % tăng trưởng |
|---------------------------|----------|-----------------------------------|---------------------|---------|---------------|
| Doanh thu                 | 98.102   | 204.333                           | 202.067             | 98,89%  | 206%          |
| Lợi nhuận trước thuế TNDN | 2.820    | 6.130                             | 6.860               | 111,91% | 243%          |

<sup>(\*)</sup> Kế hoạch năm 2024 theo Nghị quyết số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ-CMH ngày 27/04/2024)

**2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban TGD**

Qua giám sát, HĐQT đánh giá: Ban điều hành Công ty đã điều hành hoạt động SXKD của Công ty với rất nhiều cố gắng trong tình hình có nhiều phát sinh bất lợi. Ban điều hành Công ty đã tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định của Pháp luật, Điều lệ và các Quy chế của Công ty.

**3. Các kế hoạch, định hướng của HĐQT**

**3.1 Xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh:**

HĐQT chỉ đạo Ban Tổng giám đốc xây dựng kế hoạch SXKD hàng năm và định hướng các năm tiếp theo của Công ty trên cơ sở:

- Phù hợp với định hướng phát triển, các nguồn lực hiện có, khả năng thu hút và tình hình chung của thị trường, trên cơ sở hoạt động sản xuất kinh doanh cốt lõi là thi công xây lắp và đầu tư kinh doanh bất động sản.
- Có sự cân nhắc đến các yếu tố khách quan có khả năng phát sinh và tình hình kinh tế chung
- Khả năng ứng biến khi có những biến động lớn về kinh tế xã hội
- Đảm bảo an toàn và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn của Công ty.

**3.2 Nhiệm vụ, kế hoạch của HĐQT năm 2025**

- Triển khai thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ 2025.

- Hỗ trợ, giám sát Ban điều hành Công ty trong việc xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện kế hoạch SXKD, đảm bảo thực hiện đúng các mục tiêu đã đề ra.
- Kịp thời ban hành các văn bản để đảm bảo các hoạt động của Công ty đúng pháp luật.
- Phối hợp, hỗ trợ Ban điều hành Công ty trong công tác tìm kiếm, phát triển thị trường nhằm tìm kiếm các công trình dự án phù hợp.
- Tiếp tục củng cố bộ máy nhân sự, đào tạo và đào tạo lại nhân sự cho phù hợp với yêu cầu thực tế các hoạt động của Công ty.
- Củng cố và nâng cao uy tín thương hiệu đối với các đối tác, trên cơ sở kế thừa những thành quả hệ thống thương hiệu và thể mạnh đã có.

## V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

### 1. Hội đồng Quản trị

#### 1.1 Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

| Stt | Thành viên HĐQT        | Chức vụ                 | Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/HĐQT độc lập |                 | Trình độ/Chuyên ngành       |
|-----|------------------------|-------------------------|--------------------------------------------------------|-----------------|-----------------------------|
|     |                        |                         | Ngày bổ nhiệm /tái bổ nhiệm                            | Ngày miễn nhiệm |                             |
| 1   | Ông Phạm Minh Phúc     | Chủ tịch HĐQT           | 28/04/2023                                             |                 | Cử nhân/Xây dựng Cầu đường  |
| 2   | Ông Nguyễn Đức Hường   | Thành viên HĐQT         | 28/04/2023                                             |                 | Tiến sỹ/Kinh tế             |
| 3   | Ông Kim Ngọc Nhân      | Thành viên HĐQT         | 28/04/2023                                             |                 | Thạc sỹ/Quản trị kinh doanh |
| 4   | Bà Nguyễn Thị Bích Lộc | Thành viên HĐQT độc lập | 28/04/2023                                             |                 | Thạc sỹ/Quản trị kinh doanh |
| 5   | Ông Nguyễn Hoàng Duy   | Thành viên HĐQT         | 28/04/2023                                             |                 | Thạc sỹ/Đầu tư bất động sản |

#### 1.2 Các Ủy ban, tiểu ban thuộc HĐQT:

Ủy ban kiểm toán (UBKT) trực thuộc HĐQT. UBKT được thành lập nhằm thực hiện việc đánh giá độc lập về sự phù hợp và tuân thủ các chính sách pháp luật, Điều lệ, các Quyết định của ĐHCĐ, HĐQT. Tham mưu thiết lập chính sách và quy trình nội bộ. Đánh giá việc tuân thủ quy định pháp luật, đánh giá kiểm soát nội bộ thông qua thông tin tài chính và quá trình kinh doanh

#### 1.3 Hoạt động của Hội đồng quản trị:

##### 1.3.1 Các cuộc họp của HĐQT năm 2024

| Stt | Thành viên HĐQT      | Số buổi họp HĐQT tham dự | Tỷ lệ tham dự họp | Lý do không tham dự họp |
|-----|----------------------|--------------------------|-------------------|-------------------------|
| 1   | Ông Phạm Minh Phúc   | 4/4                      | 100%              |                         |
| 2   | Ông Nguyễn Đức Hường | 4/4                      | 100%              |                         |
| 3   | Ông Kim Ngọc Nhân    | 4/4                      | 100%              |                         |

|   |                        |     |      |  |
|---|------------------------|-----|------|--|
| 4 | Bà Nguyễn Thị Bích Lộc | 4/4 | 100% |  |
| 5 | Ông Nguyễn Hoàng Duy   | 4/4 | 100% |  |

### 1.3.2 Các Nghị quyết/quyết định đã được HĐQT thông qua

| Stt | Số Nghị quyết/<br>Quyết định | Ngày       | Nội dung                                                                                                                                                                                                    | Tỷ lệ<br>thông qua |
|-----|------------------------------|------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|
| 1   | 01/2024/NQ-<br>HĐQT/CMH      | 04/03/2024 | Chốt ngày đăng ký cuối cùng để lập danh sách cổ đông thực hiện quyền tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 - Công ty CP Tập đoàn CMH Việt Nam                                                                  | 100%               |
| 2   | 02/2024/NQ-<br>HĐQT/CMH      | 02/04/2024 | Thông qua thời gian, địa điểm và nội dung chương trình họp dự kiến ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 của Công ty                                                                                                   | 100%               |
| 3   | 03/2024/NQ-<br>HĐQT/CMH      | 24/06/2024 | Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty                                                                                                                             | 100%               |
| 4   | 04/2024/NQ-<br>HĐQT/CMH      | 25/06/2024 | Thông qua kế hoạch kinh doanh của CMH Group giai đoạn tháng 6/2024 đến tháng 5/2025 và giới hạn tín dụng phục vụ hoạt động kinh doanh giai đoạn 6/2024 đến tháng 5/2025 tại Vietinbank – Chi nhánh Thành An | 100%               |

## 2. Ủy ban Kiểm toán

### 2.1 Thành viên và cơ cấu của Ủy ban Kiểm toán (UBKT)

| Stt | Họ và tên              | Chức vụ    | Ngày bổ nhiệm/<br>miễn nhiệm | Trình độ<br>chuyên môn | Cổ phần<br>sở hữu |
|-----|------------------------|------------|------------------------------|------------------------|-------------------|
| 1   | Bà Nguyễn Thị Bích Lộc | Chủ tịch   | 28/04/2023                   | Thạc sỹ                | 0                 |
| 2   | Ông Phạm Minh Phúc     | Thành viên | 28/04/2023                   | Cử nhân                | 5.591.200         |
| 3   | Ông Nguyễn Hoàng Duy   | Thành viên | 28/04/2023                   | Thạc sỹ                | 45.200            |

UBKT bao gồm thành viên HĐQT độc lập và thành viên HĐQT không điều hành

### 2.2 Cuộc họp của UBKT

| Stt | Thành viên<br>UBKT     | Số buổi họp<br>tham dự | Tỷ lệ tham<br>dự họp | Tỷ lệ biểu<br>quyết | Lý do không<br>tham dự họp |
|-----|------------------------|------------------------|----------------------|---------------------|----------------------------|
| 1   | Bà Nguyễn Thị Bích Lộc | 4/4                    | 100%                 | 100%                |                            |
| 2   | Ông Phạm Minh Phúc     | 4/4                    | 100%                 | 100%                |                            |
| 3   | Ông Nguyễn Hoàng Duy   | 4/4                    | 100%                 | 100%                |                            |

### 2.3 Hoạt động giám sát của UBKT đối với HĐQT, BDH và cổ đông

UBKT đại diện là thành viên HĐQT độc lập và thành viên HĐQT không điều hành đã thường xuyên giám sát và có các khuyến nghị đối với HĐQT và BDH công ty về các vấn đề trong quản trị/điều hành nhằm đảm bảo lợi ích tối đa của Công ty và cổ đông.

UBKT cũng đã thường xuyên theo dõi kênh liên lạc chính của Công ty như: email, website Công ty, ... để tiếp nhận các ý kiến của Cổ đông, CBCNV, ... kịp thời giúp cho BDH cải thiện công tác quản lý, điều hành.

Tham dự vào các cuộc họp đánh giá báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính quý, năm và thẩm định tính chính xác của các báo cáo

#### **2.4 Sự phối hợp hoạt động giữa UBKT đối với hoạt động của HĐQT, Ban điều hành Công ty và các cán bộ quản lý khác**

Phối hợp với phòng kế toán Công ty và đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện việc rà soát báo cáo tài chính trên cơ sở các thông tin, sổ sách, chứng từ do Phòng tài chính kế toán công ty đã cung cấp và điều chỉnh kịp thời các sai sót đảm bảo các thông tin ghi nhận trong báo cáo tài chính của công ty được phản ánh đầy đủ, kịp thời và minh bạch.

#### **2.5 Hoạt động khác của UBKT**

UBKT đã triển khai thực hiện các hoạt động giám sát trên cơ sở Nghị quyết ĐHĐCĐ đã được thông qua và chức năng nhiệm vụ của mình, trong quá trình hoạt động, UBKT đã tham gia vào các cuộc họp của HĐQT, được HĐQT và Ban Tổng giám đốc thông báo thường xuyên về các quyết định của HĐQT và Ban TGD. Trên cơ sở đó, cùng với việc kiểm soát các hoạt động thường xuyên của Công ty, UBKT thấy rằng, HĐQT và Ban TGD của Công ty đã tuân thủ đúng các quy định của Pháp luật, Điều lệ, các Nghị quyết ĐHĐCĐ... Các quyết định của HĐQT và Ban TGD được ban hành đúng quy định. HĐQT và Ban TGD cũng luôn duy trì kênh liên lạc và giải quyết kịp thời các thắc mắc của các cổ đông về tình hình hoạt động của Công ty.

Trong quá trình hoạt động UBKT đã ban hành kế hoạch, duy trì kênh liên lạc, phối hợp với HĐQT và Ban TGD, các Phòng/Ban, đơn vị trực thuộc để kiểm soát tính tuân thủ pháp luật của hệ thống. Kịp thời có ý kiến đề các bộ phận chuyên môn có những điều chỉnh cần thiết với các thiếu sót trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. Các mối quan hệ này được thực hiện trên tinh thần hợp tác vì hoạt động chung của Công ty cũng như trên cơ sở chức năng nhiệm vụ và sự tôn trọng pháp luật.

#### **2.6 Đánh giá về tình hình hoạt động công ty trong năm 2024**

Về báo cáo kế toán: Công ty thực hiện tuân thủ theo chế độ kế toán, được kiểm toán độc lập, đánh giá khách quan và phản ánh đúng thực trạng tình hình hoạt động của Công ty,

Về công tác kế toán: Công ty đã tuân thủ việc báo cáo kế toán theo đúng Luật và các chuẩn mực kế toán của Nhà nước. Báo cáo tài chính năm 2024 được lập rõ ràng trên hệ thống phần mềm kế toán Misa và được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn A&C. UBKT cũng tiến hành đối chiếu số liệu trên báo cáo kế toán với các sổ kế toán chi tiết. Sổ sách kế toán của Công ty được tổ chức khoa học, ghi chép rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra.

Về công tác tài chính: Công ty đã chủ động điều phối nguồn tài chính, đảm bảo đủ nguồn lực cho các hoạt động của Công ty. Đã lập và phân tích kế hoạch tài chính trong năm và điều chỉnh linh hoạt theo thời gian để phù hợp với nhu cầu tài chính theo từng giai đoạn cụ thể.

Về công tác đầu tư: Đảm bảo việc quản lý và sử dụng vốn an toàn đem lại hiệu quả.

#### **2.7 Kiến nghị:**

- Về việc thực hiện kế hoạch SXKD năm 2025: Công ty đang định hướng kinh doanh theo hướng chuyển đổi và mở rộng ngành nghề sang lĩnh vực đầu tư kinh doanh bất động sản và trên

cơ sở duy trì cùng cố sử dụng thế mạnh từ hoạt động thi công xây lắp để tự thi công xây dựng các dự án bất động sản mà Công ty đầu tư/tham gia đầu tư. Tuy nhiên, lĩnh vực bất động sản là một lĩnh vực chịu tác động rất lớn bởi các chính sách của nhà nước liên quan đến tài chính, đất đai,.... Do đó, đòi hỏi HĐQT, Ban điều hành Công ty cần phải có những thích nghi nhanh chóng và linh hoạt để đưa ra những kế hoạch phù hợp với những cơ hội cũng như thách thức trong thời gian tới.

- Về công tác tổ chức, nhân sự: Tiếp tục tuyển dụng, đào tạo nâng cao năng lực cho đội ngũ nhân sự đáp ứng các yêu cầu của hoạt động sản xuất kinh doanh mới.
- Về công tác tài chính: Ban điều hành duy trì và tăng cường vào công tác nghiệm thu thanh toán, giảm giá trị dở dang, thu hồi các khoản phải thu trong thời gian sớm nhất.
- Về công tác đầu tư: Thẩm định và tìm kiếm cơ hội đầu tư phù hợp trên cơ sở đảm bảo tính an toàn và hiệu quả của vốn đầu tư. Cơ cấu lại các khoản đầu tư một cách phù hợp đảm bảo phát huy tối đa hiệu quả của nguồn vốn. Lưu ý việc tuân thủ các quy định của pháp luật trong các hoạt động đầu tư của Công ty.

## **2.8 Kế hoạch hoạt động năm 2025**

### **2.8.1 Nhiệm vụ chung**

Tiếp tục thực hiện nhiệm vụ việc thay mặt cổ đông thường xuyên kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty. Định kỳ hàng quý/6 tháng, tiến hành kiểm tra, phân tích, đánh giá các hoạt động của Công ty thông qua các Báo cáo tài chính, đồng thời kiểm tra đánh giá các hoạt động của HĐQT và Ban TGD, tham gia các cuộc họp HĐQT để nắm bắt, đánh giá tình hình hoạt động của Công ty một cách chính xác và đưa ra cảnh báo cáo vấn đề rủi ro tiềm ẩn, có trách nhiệm báo cáo trước toàn thể Đại hội đồng cổ đông. Trong hoạt động của mình, để đạt được hiệu quả tốt nhất, UBKT rất mong sẽ tiếp tục nhận được sự hỗ trợ của các Quý vị cổ đông, sự hợp tác và phối hợp của Ban TGD và các bộ phận nghiệp vụ trong Công ty.

### **2.8.2 Hoạt động cụ thể**

- Thẩm định, xem xét báo cáo tài chính quý, sáu tháng, năm trước khi Ban TGD trình HĐQT, ĐHĐCĐ.
- Thảo luận và xem xét kết quả kiểm toán báo cáo tài chính cùng với Tổng giám đốc, kế toán trưởng và Kiểm toán độc lập.
- Giám sát hệ thống kiểm soát nội bộ, hệ thống quản lý rủi ro.
- Thẩm định báo cáo tài chính, tình hình thực hiện kết quả sản xuất kinh doanh.
- Báo cáo hoạt động Quản trị- Điều hành Công ty của HĐQT và Ban TGD.
- Kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ đề ra.

### 3 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban TGD và UBKT

#### a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

|                           |                                          | Tiền lương    | Thù lao     | Cộng thu nhập |
|---------------------------|------------------------------------------|---------------|-------------|---------------|
| <i>Năm nay</i>            |                                          |               |             |               |
| Ông Phạm Minh Phúc        | Chủ tịch HĐQT/<br>thành viên UBKT        | 661.905.000   | 192.000.000 | 853.905.000   |
| Ông Kim Ngọc Nhân         | Phó Chủ tịch HĐQT/<br>Tổng Giám đốc      | 722.905.000   | 30.000.000  | 752.905.000   |
| Ông Nguyễn Đức<br>Hường   | Thành viên HĐQT                          | -             | 18.000.000  | 18.000.000    |
| Ông Nguyễn Hoàng<br>Duy   | Thành viên HĐQT/<br>Thành viên UBKT      | -             | 18.000.000  | 18.000.000    |
| Bà Nguyễn Thị Bích<br>Lộc | Thành viên HĐQT độc<br>lập/Chủ tịch UBKT | -             | 18.000.000  | 18.000.000    |
| Ông Trần Văn Trung        | Thành viên HĐQT/<br>Phó Tổng Giám đốc    | 645.266.000   | 12.000.000  | 657.266.000   |
| Bà Đinh Thị Thủy          | Phó Tổng Giám đốc/<br>Kế toán trưởng     | 626.700.000   | 12.000.000  | 638.700.000   |
| Ông Nguyễn Ngọc Tú        | Phó Tổng Giám đốc                        | 623.600.000   | -           | 623.600.000   |
| Ông Nguyễn Văn Phi        | Phó Tổng Giám đốc                        | 644.700.000   | -           | 644.700.000   |
| Cộng                      |                                          | 3.925.076.000 | 300.000.000 | 4.225.076.000 |
| <i>Năm trước</i>          |                                          |               |             |               |
| Ông Phạm Minh Phúc        | Chủ tịch HĐQT/<br>thành viên UBKT        | 616.000.000   | 192.000.000 | 808.000.000   |
| Ông Kim Ngọc Nhân         | Phó Chủ tịch HĐQT/<br>Tổng Giám đốc      | 667.000.000   | 30.000.000  | 697.000.000   |
| Ông Nguyễn Đức<br>Hường   | Thành viên HĐQT                          | 119.200.000   | 18.000.000  | 137.200.000   |
| Ông Nguyễn Hoàng<br>Duy   | Thành viên HĐQT/<br>Thành viên UBKT      | -             | 18.000.000  | 18.000.000    |
| Bà Nguyễn Thị Bích<br>Lộc | Thành viên HĐQT độc<br>lập/Chủ tịch UBKT | -             | 18.000.000  | 18.000.000    |
| Ông Trần Văn Trung        | Phó Tổng Giám đốc                        | 626.796.000   | 12.000.000  | 638.796.000   |
| Ông Nguyễn Văn Phi        | Phó Tổng Giám đốc                        | 618.800.000   | -           | 618.800.000   |
| Bà Đinh Thị Thủy          | Phó Tổng Giám đốc/<br>Kế toán trưởng     | 510.800.000   | 12.000.000  | 522.800.000   |
| Ông Nguyễn Ngọc Tú        | Phó Tổng Giám đốc                        | 497.600.000   | -           | 497.600.000   |
| Cộng                      |                                          | 3.656.196.000 | 300.000.000 | 3.956.196.000 |

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

|                                | Năm nay | Năm trước   |
|--------------------------------|---------|-------------|
| Tạm ứng cho Ông Kim Ngọc Nhân  | -       | 65.000.000  |
| Tạm ứng cho Ông Phạm Minh Phúc | -       | 417.690.702 |

|                                       | Năm nay        | Năm trước      |
|---------------------------------------|----------------|----------------|
| Tạm ứng cho Ông Trần Văn Trung        | -              | 1.555.000.000  |
| Tạm ứng cho Ông Nguyễn Ngọc Tú        | 1.579.368.090  | 1.860.959.700  |
| Tạm ứng cho Bà Đinh Thị Thủy          | 22.635.711.000 | 9.576.824.000  |
| Tạm ứng cho Ông Nguyễn Văn Phi        | -              | 6.733.000.000  |
| Trả tiền vay cho Ông Nguyễn Đức Hường | -              | 11.000.000.000 |

*Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

|                                   | Số cuối năm           |          | Số đầu năm            |          |
|-----------------------------------|-----------------------|----------|-----------------------|----------|
|                                   | Giá trị               | Dự phòng | Giá trị               | Dự phòng |
| <i>Phải thu các bên liên quan</i> | <i>13.791.036.196</i> | <i>-</i> | <i>19.099.623.394</i> | <i>-</i> |
| Ông Phạm Minh Phúc -Tạm ứng       | -                     | -        | 417.690.702           | -        |
| Ông Kim Ngọc Nhân -Tạm ứng        | -                     | -        | 65.000.000            | -        |
| Ông Nguyễn Ngọc Tú -Tạm ứng       | 1.806.195.678         | -        | 1.761.574.458         | -        |
| Ông Trần Văn Trung - Tạm ứng      | 1.013.770.000         | -        | 1.563.770.000         | -        |
| Ông Nguyễn Văn Phi - Tạm ứng      | 3.600.083.942         | -        | 4.769.083.942         | -        |
| Bà Đinh Thị Thủy - Tạm ứng        | 7.370.986.576         | -        | 10.522.504.292        | -        |

Các khoản công nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

#### *Cam kết bảo lãnh*

Ông Phạm Minh Phúc - Chủ tịch Hội đồng quản trị dùng 5.591.200 cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn CMH (mã CMS) thuộc sở hữu của mình để đảm bảo cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TCMC Công thương Việt Nam, chi nhánh Thành An

#### **Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:**

| Bên liên quan khác                 | Mối quan hệ                         |
|------------------------------------|-------------------------------------|
| Công ty Cổ phần Lemoire Nha Trang  | Có cùng Chủ tịch HĐQT               |
| Công ty Cổ phần Lemoire Phan Thiết | Có cùng thành viên quản lý chủ chốt |

#### *Giao dịch với các bên liên quan khác*

Ngoài các giao dịch phát sinh với các bên liên quan đã được trình bày ở trên, Tập đoàn không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

#### *Công nợ với các bên liên quan khác*

Ngoài các công nợ với các bên liên quan đã được trình bày ở trên, Tập đoàn không có công nợ với các bên liên quan khác.

**b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ:**

| STT | Người thực hiện giao dịch | Quan hệ với người nội bộ | Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ |       | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ |       | Lý do tăng, giảm          |
|-----|---------------------------|--------------------------|---------------------------|-------|----------------------------|-------|---------------------------|
|     |                           |                          | Số cổ phiếu               | Tỷ lệ | Số cổ phiếu                | Tỷ lệ |                           |
| 1   | Hoàng Thị Nhân            | Em dâu TV HĐQT           | 0                         | 0%    | 0                          | 0%    | Mua/bán 5.000 CP trong kỳ |

**c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ:**

Công ty không có phát sinh giao dịch/hợp đồng với người nội bộ

**VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Xem Báo cáo tài chính hợp nhất toàn tập đoàn và Báo cáo tài chính Công ty năm 2024 đã được kiểm toán đính kèm).

**Nơi nhận:**

- UBCKNN;
- SGDCK HN;
- HĐQT;
- Ban TGD;
- Lưu: VT, ...

**KIM  
NGOC  
NHÂN**

Digitally signed by KIM NGOC NHÂN  
DN: C=VN, S=HÀ NỘI, U=Bắc  
Tú Liêm, OU=CÔNG TY CỔ  
PHẦN TẬP ĐOÀN CMH VIỆT  
NAM, TS=Tổng Giám đốc,  
CN=KIM NGOC NHÂN,  
OID.2.5.2.342.19200300.100.1,  
1=CDCD.001074669599  
Reason: I am the author of this  
document  
Location:  
Date: 2025-03-17 17:15:58  
Font Reader Version: 3.2.0

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN  
THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY**



**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
*Kim Ngọc Nhân*